

Bản án số: 73/2019/HS-ST
Ngày 19 - 8 - 2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VINH LONG – TỈNH VINH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Vân

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Văn Tư

Bà Huỳnh Thị Chi

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Minh Bảo - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vinh Long

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vinh Long tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Lan Hương - Kiểm sát viên

Trong ngày 19 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vinh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 68/2019/TLST-HS ngày 08 tháng 7 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 72/2019/QĐXXST-HS ngày 24 tháng 7 năm 2019 đối với bị cáo:

- Họ và tên: Lê Quốc V, sinh năm 1990, tại tỉnh Vinh Long

Nơi cư trú: số nhà N, đường P, phường C, thành phố V, tỉnh Vinh Long; nơi tạm trú: số nhà A, Khóm N, Phường C, thành phố V, tỉnh Vinh Long; nghề nghiệp: không; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Bé T, sinh năm 1955 và bà Trần Thị V, sinh năm 1953; bị cáo không có anh, chị, em ruột, chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không có; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt tại phiên tòa.

Người đại diện hợp pháp của bị cáo:

1. Ông Lê Bé T, sinh năm 1955 (có mặt)

2. Bà Trần Thị V, sinh năm 1953 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ cư trú: số nhà N, đường P, phường C, thành phố V, tỉnh Vinh Long

Nơi tạm trú: số nhà A, Khóm N, Phường C, thành phố V, tỉnh Vinh Long

Người bào chữa chỉ định cho bị cáo:

1. Ông Trần Văn M - Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Vĩnh Long (có mặt)

2. Luật sư Lưu Thanh P - Văn phòng Luật sư N thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Vĩnh Long (có mặt)

- Bị hại: Anh Phương Phúc Đ, sinh năm 1983 (chết ngày 11/11/2018)

Người đại diện hợp pháp của bị hại (là những người cùng hàng thừa kế thứ nhất của bị hại):

1. Ông Phương Đức H, sinh năm 1954 (có mặt)

Địa chỉ cư trú: ấp Đ1, xã Đ2, huyện M, tỉnh Sóc Trăng

Địa chỉ liên lạc: số nhà M, đường P, Khóm B, Phường C, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long

2. Bà Lưu Thị D, sinh năm 1959 (vắng mặt)

3. Chị Đặng Yến L, sinh năm 1983 (vắng mặt)

4. Cháu Phương Minh T, sinh ngày 23/6/2017 (do chị Đặng Yến L là người đại diện theo pháp luật)

Bà D, chị L, cháu T cùng địa chỉ cư trú: số nhà M, đường P, phường C, thành phố V, tỉnh Vĩnh Long

Bà Lưu Thị D, chị Đặng Yến L cùng ủy quyền ông Phương Đức H đại diện theo văn bản ủy quyền ngày 04/12/2018

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào buổi trưa ngày 10/11/2018, Lê Quốc V đến quán cà phê bờ kè Sông Tiền thuộc phường C, thành phố V uống cà phê. Đến khoảng 13 giờ 40 phút cùng ngày, V rời quán cà phê, điều khiển xe đạp từ hướng bờ kè vào hẻm 25A ra đường Phạm Hùng để về nhà tại Khóm N, Phường C, thành phố V. Khi đến đầu hẻm 25A là điểm giao nhau với đường Phạm Hùng, V điều khiển xe đạp rẽ trái để chạy về hướng cầu Bình Lữ. Khi vừa cho xe rẽ trái thì xảy ra va chạm với xe mô tô biển số 64C1-179.21 do anh Phương Phúc Đ điều khiển, đang lưu thông trên đường Phạm Hùng, hướng từ cầu Bình Lữ về cầu Cái Cam. Sau khi xảy ra tai nạn, anh Đ bị thương nặng và được đưa đi cấp cứu tại Bệnh viện Đa khoa Xuyên Á, đến 12 giờ 20 phút ngày 11/11/2018 thì tử vong.

Tại kết luận giám định pháp y tử thi số 548/KLGD-PC09 ngày 12/11/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Vĩnh Long kết luận: Nguyên nhân anh Phương Phúc Đ tử vong là do chấn thương sọ não.

Kết quả khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm phương tiện, dựng lại hiện trường của cơ quan Cảnh sát điều tra xác định như sau:

- Hiện trường vụ tai nạn giao thông xác định là đoạn đường có hai chiều

xe chạy riêng biệt, mặt đường bằng bê tông nhựa, có dây phân cách cố định bằng kim loại, phần đường xảy ra tai nạn rộng 7,35m, có vạch kẻ đường màu trắng liền nét rộng 0,2m, làn đường trong cùng bên phải rộng 3,33m. Chọn trụ đèn V413/T79/53 làm điểm mốc, lấy mép lề đường bên phải theo hướng đi từ cầu Bình Lữ về cầu Cái Cam làm lề chuẩn.

+ Vị trí “số 1” là xe đạp ngã bên phải tiếp xúc mặt đường, đầu xe hướng ra đường Phạm Hùng về cầu Bình Lữ, đuôi xe nằm trong hẻm 25A hướng về cầu Cái Cam, trực trước xe đạp đo vào lề chuẩn 0,4m, trực sau xe đạp đo vào lề chuẩn 0,65m, trực trước xe đạp đo đến trực trước xe mô tô là 2,8m.

+ Vị trí “số 2” là xe mô tô biển số 64C1-179.21 ngã bên trái xe tiếp xúc mặt đường, đầu xe hướng cầu Bình Lữ xéo vào lề chuẩn, đuôi xe hướng cầu Cái Cam xéo về lề trái, xe ngã gần lề chuẩn. Trực trước xe đo vào lề chuẩn 0,85m, trực sau xe đo vào lề chuẩn 1,4m.

+ Vị trí “số 3” là vết cày xe mô tô biển số 64C1-179.21, vết cày dài 2,5m, đầu vết cày đo vào lề chuẩn 1,5m, cuối vết cày nằm ngay góc chân sau bên trái.

- Vùng va chạm được xác định: nằm ở phần đường bên phải theo hướng đi từ cầu Bình Lữ đến cầu Cái Cam, cách mép lề chuẩn 0,6m, đo đến điểm mốc là 2,5m, đo đến xe đạp là 2,05m, đo đến đầu vết cày xe mô tô biển số 64C1-179.21 là 2,45m.

Lê Quốc V khai trước khi cho xe rẽ trái thì không chú ý quan sát các xe đang lưu thông trên đường Phạm Hùng vì V nghĩ rằng vào buổi trưa ít người đi lại, nên khi vừa điều khiển xe đạp chạy ra đường Phạm Hùng thì gây ra tai nạn.

Tại Biên bản họp xác định lỗi ngày 20/12/2018 đã kết luận:

- Lê Quốc V có lỗi:
- + Điều khiển xe đạp không chú ý quan sát, vi phạm vào khoản 23 Điều 8 của Luật Giao thông đường bộ.
- + Điều khiển xe đạp không nhường đường cho xe mô tô đang đi trên đường chính tại nơi giao nhau, vi phạm khoản 3 Điều 24 Luật Giao thông đường bộ.
- Anh Phương Phúc Đ: Không có lỗi.

Quá trình điều tra, bị cáo V có biểu hiện trầm cảm, lo lắng. Gia đình Lê Quốc V trình bày khoảng 05 năm gần đây, V có biểu hiện bất thường về thần kinh. Ngày 31/12/2018, Cơ quan cảnh sát điều tra tiến hành trưng cầu giám định về tâm thần đối với bị cáo V. Tại kết luận giám định pháp y tâm thần số 197/KL-VPYTW ngày 19/4/2019 của Viện Pháp y tâm thần Trung ương Biên Hòa kết luận:

- Về y học: Trước, trong, sau khi gây án và hiện nay, đương sự bị bệnh tâm căn suy nhược (F48.0 - ICD.10).
- Về năng lực nhận thức và điều khiển hành vi: Tại thời điểm gây án và hiện nay, đương sự bị hạn chế năng lực nhận thức và điều khiển hành vi.

Về trách nhiệm dân sự: Ông Phương Đức H là người đại diện hợp pháp

của bị hại yêu cầu bị cáo V bồi thường các khoản gồm chi phí điều trị là 24.400.000đ, chi phí đám tang 84.500.000đ, bù đắp tổn thất tinh thần là 100.000.000đ, tiền cấp dưỡng nuôi cháu Phương Phúc T là 300.000.000đ. Tổng số tiền yêu cầu bồi thường là 508.900.000đ. Bị cáo V cùng ông Lê Bé T thống nhất số tiền bồi thường theo yêu cầu của gia đình bị hại nhưng do hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên hiện tại chưa có khả năng bồi thường. Bị cáo và đại diện hợp pháp của bị hại thỏa thuận thống nhất phương thức bồi thường là hàng tháng bị cáo cùng gia đình sẽ bồi thường cho gia đình bị hại số tiền 1.000.000đ.

Về thu giữ đồ vật, tài liệu, xử lý vật chứng: Xe mô tô biển số 64C1-179.21 và giấy đăng ký xe mô tô mang tên Phương Phúc Đ là tài sản của anh Đ đã được Cơ quan cảnh sát điều tra trả lại ông Phương Đức H. Xe đạp hiệu Martin là tài sản của Lê Quốc V đã được Cơ quan cảnh sát điều tra trả lại bị cáo V.

Tại Cáo trạng số 71/CT-VKS.TPVL ngày 05/7/2019, Viện kiểm sát nhân dân thành phố V đã truy tố bị cáo Lê Quốc V về “Tội vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” quy định tại khoản 1 Điều 260 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Bị cáo Lê Quốc V thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như Cáo trạng đã nêu và đồng ý với tội danh mà bị cáo bị truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V tham gia xét xử đã trình bày luận tội:

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Lê Quốc V phạm “Tội vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 260; điểm q, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; các Điều 584, 585, 586, 591 Bộ luật Dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội đối với bị cáo Lê Quốc V. Đề nghị Hội đồng xét xử xử phạt bị cáo Lê Quốc V từ 09 tháng - 01 năm tù. Trách nhiệm dân sự: Công nhận sự thỏa thuận bị cáo V, ông Bé T và ông Phương Đức H về việc bị cáo V, ông Bé T buộc bồi thường những người cùng hàng thừa kế thứ nhất của anh Phương Phúc Đ số tiền 508.900.000đ, với phương thức hàng tháng bị cáo, ông Bé T bồi thường số tiền 1.000.000đ cho đến khi hết khoản tiền 508.900.000đ. Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử miễn án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm đối với bị cáo.

Ông Trần Văn M trình bày ý kiến bào chữa: Bị cáo đã phạm “Tội vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” quy định tại điểm a khoản 1 Điều 260 Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, bị cáo xuất thân từ gia đình thuộc hộ cận nghèo, là lao động chính trong gia đình, phạm tội lần đầu, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Bản thân bị cáo bị hạn chế khả năng nhận thức, điều khiển hành vi, lỗi vô ý gây ra cái chết bị hại. Người đại diện hợp pháp của bị hại có ý kiến xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự bị cáo. Vì hoàn cảnh kinh tế gia đình bị cáo

quá khó khăn, bị cáo làm thuê kiếm sống, cha bán vé số, mẹ bị bệnh tai biến, nên bị cáo chưa thực hiện được việc bồi thường thiệt hại gia đình bị hại. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm q, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, phạt bị cáo 03 năm cải tạo không giam giữ là đủ để giáo dục, răn đe bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

Luật sư Lưu Thanh P trình bày ý kiến bào chữa: Luật sư thống nhất Cáo trạng, luận tội của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa sơ thẩm, thống nhất bị cáo đã phạm “Tội vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” quy định tại điểm a khoản 1 Điều 260 Bộ luật Hình sự. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét bị cáo chưa tiền án, tiền sự, gia đình thuộc hộ cận nghèo. Bị cáo là lao động chính trong gia đình. Người đại diện hợp pháp bị hại có ý kiến xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại điểm q, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự phạt bị cáo án treo đủ để giáo dục, răn đe bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

Bị cáo V không tham gia tranh luận, không ý kiến đối đáp; trong phần nói sau cùng xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Vĩnh Long, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vĩnh Long, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều phù hợp quy định pháp luật.

[2] Tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo Lê Quốc V đã khai hành vi phạm tội là hoàn toàn phù hợp với lời khai của bị cáo tại Cơ quan cảnh sát điều tra, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác do Cơ quan cảnh sát điều tra đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, nên đã có đủ cơ sở kết luận bị cáo Lê Quốc V phạm “Tội vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ” quy định tại điểm a khoản 1 Điều 260 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[3] Xét hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, tội phạm nghiêm trọng, trực tiếp xâm phạm an toàn giao thông đường bộ và gây thiệt hại tính mạng của bị hại. Cụ thể, Lê Quốc V điều khiển xe đạp không chú ý quan sát và không nhường đường tại nơi giao nhau với đường chính, đã vi phạm quy định tại khoản 23 Điều 8, khoản 3 Điều 24 của Luật Giao thông đường bộ. Lỗi của bị cáo V hoàn toàn và trực tiếp gây ra vụ tai nạn. Bị hại không có lỗi. Bản thân bị cáo tại thời điểm gây án và hiện nay bị hạn chế năng lực nhận thức và điều khiển

hành vi, nhưng điều này không thuộc trường hợp không có năng lực trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 21 Bộ luật Hình sự. Bị cáo đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, phạm tội với lỗi vô ý do cầu thả, điều khiển phương tiện xe đạp tham gia giao thông đường bộ, cho xe rẽ trái, không chú ý quan sát, không nhường đường, ý thức không thấy trước hành vi của mình có thể gây hậu quả nghiêm trọng sức khỏe, tính mạng người khác, mặc dù phải thấy trước và có thể thấy trước hậu quả đó. Hành vi vi phạm của bị cáo đã gây ra cái chết cho bị hại, để lại sự tổn thương không gì bù đắp được cho gia đình bị hại. Đặc biệt, bị hại có 01 con tên Phương Minh T, được sinh ra 17 tháng tuổi thì đã vĩnh viễn mất đi người cha, thiếu điểm tựa vững chắc của người cha trong cuộc sống của cháu T.

Tại phiên tòa sơ thẩm, hai người bào chữa chỉ định cho bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử quyết định hình phạt bị cáo cải tạo không giam giữ hoặc án treo. Hội đồng xét xử nhận thấy, tai nạn giao thông đang là vấn đề gây ảnh hưởng rất lớn đến sự phát triển của xã hội, gây đau thương, mất mát, tổn hại kinh tế, tổn thất tinh thần mà gia đình bị hại, xã hội phải gánh chịu. Nhà nước đặc biệt quan tâm, đề ra nhiều giải pháp để kéo giảm tai nạn giao thông. Bị cáo đã phạm tội, đã gây ra cái chết bị hại cần phải xử lý nghiêm, không chấp nhận ý kiến bào chữa này của hai người bào chữa chỉ định bị cáo.

Vì vậy, với tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi vi phạm pháp luật giao thông đường bộ, bị cáo cần phải bị xử lý nghiêm với một hình phạt tương ứng trong khung hình phạt mà bị cáo bị truy tố. Cần thiết cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đảm bảo được sự răn đe, giáo dục, giúp bị cáo cải tạo bản thân và cũng góp phần phòng ngừa chung cho xã hội.

[4] Tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự: Trong suốt quá trình điều tra vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo V đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; người phạm tội là người có bệnh bị hạn chế khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi của mình. Gia đình bị cáo trong các năm 2018, 2019 có Giấy chứng nhận của Ủy ban nhân dân phường C, thành phố V thuộc “Hộ cận nghèo”, bị cáo thuộc trường hợp khó khăn về kinh tế. Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của bị hại có yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự áp dụng bị cáo V được quy định tại điểm q, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo là không có. Do bị cáo có 03 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, trong đó 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Hội đồng xét xử quyết định áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự quyết định hình phạt bị cáo V dưới mức thấp nhất của khung hình phạt được áp dụng.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Phương Đức H yêu cầu bị cáo V cùng gia đình bồi thường các khoản gồm chi phí hợp lý cho việc cứu chữa là 24.400.000đ, chi phí hợp lý cho việc mai táng 84.500.000đ, bù đắp tổn thất tinh thần 100.000.000đ, tiền cấp dưỡng cháu Phương Phúc T tính từ ngày anh Phương Phúc Đ chết đến khi cháu T đủ 18 tuổi là 197 tháng, với mức cấp dưỡng 2.000.000đ/tháng = 300.000.000đ. Tổng số tiền yêu cầu bồi thường

là 508.900.000đ.

Bị cáo V và ông Bé T tự nguyện, đồng ý bồi thường toàn bộ thiệt hại do tính mạng anh Phương Phúc Đ bị xâm phạm với số tiền 508.900.000đ như ông Phương Đức H yêu cầu. Bị cáo V, ông Bé T và ông H thỏa thuận với nhau phương thức bồi thường là hàng tháng, bị cáo V cùng gia đình sẽ buộc bồi thường những người cùng hàng thừa kế thứ nhất của anh Đ số tiền 1.000.000đ cho đến khi hết khoản tiền 508.900.000đ.

Hội đồng xét xử nhận thấy, theo quy định tại Điều 585 Bộ luật Dân sự năm 2015, nguyên tắc là thiệt hại được bồi thường toàn bộ, kịp thời, trên cơ sở tôn trọng sự tự nguyện thỏa thuận, nếu không thỏa thuận được thì Tòa án sẽ quyết định trên cơ sở quy định của pháp luật. Nội dung thỏa thuận của bị cáo cùng người đại diện hợp pháp của bị cáo và người đại diện hợp pháp của bị hại phù hợp với quy định pháp luật. Hội đồng xét xử công nhận sự thỏa thuận của bị cáo V, ông Bé T và ông H về nội dung trên.

[6] Án phí: Trước khi mở phiên tòa, bị cáo và người đại diện hợp pháp của bị hại đã thỏa thuận được với nhau về việc bồi thường thiệt hại và đề nghị Tòa án ghi nhận việc bồi thường thiệt hại. Bị cáo có đơn xin miễn nộp án phí do thuộc trường hợp hộ cận nghèo. Căn cứ quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm f khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng xét xử miễn án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm đối với bị cáo.

Xét ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V là có căn cứ để chấp nhận. Chấp nhận một phần ý kiến của hai người bào chữa chỉ định bị cáo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 260; điểm q, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; các Điều 584, 585, 586, 591 Bộ luật Dân sự năm 2015; các điểm đ khoản 1 Điều 12, điểm f khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án đối với bị cáo Lê Quốc V.

1. Tuyên bố bị cáo Lê Quốc V phạm “Tội vi phạm quy định về tham gia giao thông đường bộ”.

Xử phạt bị cáo Lê Quốc V 10 (mười) tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo Lê Quốc V được tính từ ngày bị bắt đi thi hành án.

2. Trách nhiệm dân sự: Công nhận sự thỏa thuận bị cáo Lê Quốc V, ông Lê Bé T và ông Phương Đức H về việc bị cáo Lê Quốc V, ông Lê Bé T buộc bồi

thường thiệt hại những người cùng hàng thừa kế thứ nhất của anh Phương Phúc Đ số tiền 508.900.000đ (năm trăm lẻ tám triệu chín trăm ngàn đồng); phương thức bồi thường: hàng tháng bị cáo Lê Quốc V, ông Lê Bé T buộc bồi thường số tiền 1.000.000đ (một triệu đồng) cho đến khi hết khoản tiền 508.900.000đ (năm trăm lẻ tám triệu chín trăm ngàn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí: Miễn án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm đối với bị cáo Lê Quốc V.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai, có mặt bị cáo Lê Quốc V, ông Lê Bé T, ông Phương Đức H. Vắng mặt bà Trần Thị V, bà Lưu Thị D, Đặng Yên L (riêng bà D, chị L do ông Phương Đức H đại diện theo ủy quyền). Bị cáo cùng đương sự khác có mặt được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được tổng đạt, niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh: 1;
- Viện kiểm sát tỉnh: 1;
- Viện kiểm sát cùng cấp: 1;
- Công an cùng cấp: 1;
- Phòng hồ sơ Công an tỉnh: 1;
- Chi cục Thi hành án: 1;
- Sở Tư pháp: 1;
- UBND phường C, TPVL (để biết): 1;
- Bị cáo: 1;
- Đại diện hợp pháp bc, bị hại: 2;
- Đương sự khác: 3;
- Lưu: 5.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Thu Vân